

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HS-PT
Ngày: 23-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đình Thông, bà Trần Thị Thu H

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Tổng Khánh Lâm - Kiểm sát viên.

Vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2022/TLPT-HS ngày 10/01/2022 đối với bị cáo Lê Thị H, do có kháng cáo của bị cáo Lê Thị H đối với bản án hình sự sơ thẩm số 46/2021/HS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: Lê Thị H; sinh ngày: 21/11/1963; tại xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 07/12; con ông Lê Văn U (Đã chết) và bà Đậu Thị K, 92 tuổi; anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là con thứ 04; Chồng: Lê Xuân C, sinh năm 1956; con: 04 đứa, lớn nhất sinh năm 1983, đứa nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28/5/2001, Lê Thị H bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 06 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt và đã xóa án tích; Ngày 12/9/2007 bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 09 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, đã chấp hành xong hình phạt và đã xóa án tích; Bị bắt tạm giam ngày 15/8/2021 đến ngày 28/9/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn “cho gia đình Bảo lãnh”; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, đều vắng mặt:

1. Anh Trần Quốc H, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Thôn 5, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Thôn 2, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Anh Nguyễn Hồng S, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Thôn 4, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.
5. Anh Phan Thanh T, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.
6. Anh Trần Văn Q, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.
7. Anh Đoàn Quang T, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Chị Hoàng Thị H, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.
9. Chị Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.
10. Anh Nguyễn Chí C, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.
11. Anh Trần Xuân D, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.
12. Anh Phạm Khánh T, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.
13. Ông Lê Xuân C, sinh năm: 1956. Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án hình sự sơ thẩm số 46/2021/HS-ST ngày 26-11-2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 8/2021, Lê Thị H sinh năm 1963, trú tại thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã cho 11 người vay với tổng số tiền 308.000.000 đồng, lãi suất từ 109% đến 160%/năm. Số tiền lãi H đã thu 458.600.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tối đa H được thu theo quy định 83.193.973 đồng, số tiền H thu lợi bất chính 375.406.027 đồng, gồm:

1. Chị Phạm Thị Huyền, sinh năm 1972, trú tại thôn 2, xã Sơn Giang, huyện H vay 02 hợp đồng, cụ thể:

- Ngày 24/3/2020, H cho chị Huyền vay 15.000.000 đồng, lãi suất 1.500.000 đồng/15.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 120%/năm. Đến nay chưa trả tiền gốc vay, số tiền lãi H nhận được 21.000.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 506 ngày, tương ứng số tiền 4.158.904 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính 16.841.096 đồng.

- Ngày 13/01/2021, H cho chị H vay 20.000.000 đồng, lãi suất 2.000.000 đồng/20.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 120%/năm. Đến nay chưa trả tiền gốc vay, số tiền lãi H đã nhận 4.000.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được

hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 211 ngày, tương ứng số tiền 2.312.329 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính 1.687.671 đồng.

2. Anh Nguyễn Hồng S, sinh năm 1986, trú tại thôn 4, xã S, huyện H vay 02 hợp đồng, cụ thể:

- Ngày 06/01/2018, H cho anh S vay 20.000.000 đồng, lãi suất 2.000.000 đồng/20.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 120%/năm. Đến nay đã trả tiền gốc vay, số tiền lãi H đã nhận 86.000.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 1.314 ngày, tương ứng số tiền 14.400.000 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính 71.600.000 đồng.

- Ngày 08/5/2021, H cho anh S vay 30.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000 đồng/30.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 120%/năm. Đến nay đã trả tiền gốc vay, số tiền lãi H đã nhận 9.000.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 96 ngày, tương ứng số tiền 1.578.082 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính 7.421.918 đồng.

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, trú tại thôn C, xã S, huyện H vay 01 hợp đồng, cụ thể: Ngày 09/12/2020, H cho anh T vay 10.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/10.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 120%/năm. Đến nay chưa trả tiền gốc vay, số tiền lãi H đã nhận 5.000.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 246 ngày, tương ứng số tiền 1.347.945 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính 3.652.055 đồng.

4. Anh Phan Thanh T, sinh năm 1987, trú tại tổ dân phố 11, thị trấn P, huyện H vay 01 hợp đồng, cụ thể: Ngày 15/7/2020, H cho anh T vay 33.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000 đồng/33.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 109%/năm. Đến nay chưa trả tiền gốc vay, số tiền lãi H đã nhận 39.000.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 393 ngày, tương ứng số tiền 7.106.301 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính 31.893.699 đồng.

5. Anh Trần Văn Q, sinh năm 1994, trú tại thôn T, xã S, huyện H vay 02 hợp đồng, cụ thể:

- Ngày 05/4/2021, H cho anh Q vay 20.000.000 đồng, lãi suất 2.000.000 đồng/20.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 120%/năm. Đến nay chưa trả tiền gốc vay, số tiền lãi H đã nhận 6.000.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 129 ngày, tương ứng số tiền 1.413.699 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính 4.586.301 đồng.

- Ngày 13/4/2021, H cho anh Q vay 10.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/10.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 120%/năm. Đến nay chưa trả tiền gốc vay, số tiền lãi H đã nhận 2.000.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 121 ngày, tương ứng số tiền 663.014 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính 1.336.986 đồng.

6. Anh Đoàn Quang T, sinh năm 1982, trú tại thôn Đ, xã S, huyện H vay 02 hợp đồng, cụ thể:

- Ngày 12/5/2020, H cho anh T vay 10.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/10.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 120%/năm. Đến ngày 02/7/2021, anh

T đã trả cho H đủ số tiền gốc vay, số tiền lãi H đã nhận 12.000.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 416 ngày, tương ứng số tiền 2.279.452 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính là 9.720.548 đồng.

- Ngày 10/9/2020, H cho anh T vay 10.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/10.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 120%/năm. Đến ngày 02/7/2021, anh T đã trả cho H đủ số tiền gốc vay, số tiền lãi H đã nhận 9.000.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 295 ngày, tương ứng số tiền 1.616.438 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính 7.383.562 đồng.

7. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện H vay 01 hợp đồng, cụ thể: Ngày 11/5/2020, H cho chị Hằng vay 20.000.000 đồng, lãi suất 2.000.000 đồng/20.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 120%/năm, đến nay đã trả tiền gốc vay. Số tiền lãi H đã nhận 28.000.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 458 ngày, tương ứng số tiền 5.019.178 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính 22.980.822 đồng.

8. Chị Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện H vay 03 hợp đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 25/6/2018, H cho chị V vay 20.000.000 đồng. Đến nay, chị V chưa trả tiền gốc vay. Từ ngày 25/6/2018 đến ngày 02/7/2020, H lấy lãi với lãi suất 2.000.000 đồng/20.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 120%/năm, số tiền lãi H đã nhận 48.000.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 738 ngày, tương ứng số tiền 8.087.671 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính 39.912.329 đồng.

- Ngày 09/12/2018, H cho chị V vay 10.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/10.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 120%/năm. Ngày 08/01/2019 H cho chị Vân vay tiếp 10.000.000 đồng. H và chị V thống nhất với nhau gộp 02 hợp đồng cho vay thành 01 hợp đồng vay với số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất 2.000.000 đồng/20.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 120%/năm. Đến nay, chị Vân chưa trả tiền gốc vay. Từ ngày 09/12/2018 đến ngày 08/01/2019, số tiền lãi H đã nhận 1.000.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 30 ngày, tương ứng số tiền 164.384 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính 835.616 đồng; Từ ngày 08/01/2019 đến ngày 02/7/2020, số tiền lãi H đã nhận 34.000.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 541 ngày, tương ứng với số tiền 5.928.767 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính 28.071.233 đồng.

9. Anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1986, trú tại thôn T, xã S, huyện H vay 01 hợp đồng, cụ thể: Ngày 01/5/2019, H cho anh C vay 20.000.000 đồng, lãi suất 2.000.000 đồng/20.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 120%/năm, đến nay chưa trả tiền gốc vay. Số tiền lãi H đã nhận 54.000.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 834 ngày, tương ứng số tiền 9.139.726 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính 44.860.274 đồng.

10. Anh Trần Xuân D, sinh năm 1992, trú tại thôn M, xã S, huyện H vay 02 hợp đồng, cụ thể:

- Ngày 23/12/2020, H cho anh D vay 10.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/10.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 120%/năm. Ngày 22/01/2021, anh D

đã trả đủ số tiền gốc vay, số tiền lãi H đã nhận 1.000.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 30 ngày, tương ứng số tiền 164.384 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính 835.616 đồng.

- Ngày 30/4/2021, H cho anh D vay 10.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/10.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 120%/năm, đến nay chưa trả tiền gốc vay. Số tiền lãi H đã nhận 1.000.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 104 ngày, tương ứng số tiền 569.863 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính 430.137 đồng.

Ngoài các lần Lê Thị H cho những người nêu trên vay tiền, thì ngày 28/09/2018, H cho anh Trần Quốc H, sinh năm 1978, trú tại thôn 5, xã S, huyện H vay 30.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất từ ngày 28/9/2018 đến ngày 28/10/2018 là 4.000.000 đồng/30.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 160%/năm, số tiền lãi H đã nhận 4.000.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 30 ngày, tương ứng số tiền 493.151 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính là 3.506.849 đồng; Từ ngày 28/10/2018 đến ngày 28/12/2018, H thỏa thuận, thống nhất lãi suất 3.800.000 đồng/30.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 152%/năm, số tiền lãi H đã nhận 7.600.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 61 ngày, tương ứng số tiền 1.002.740 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính là 6.597.260 đồng; Từ ngày 28/12/2018 đến ngày 12/8/2021, H thỏa thuận thống nhất lãi suất 3.000.000 đồng/30.000.000 đồng/tháng tương đương lãi suất 120%/năm, số tiền lãi H đã nhận 87.000.000 đồng. Số ngày lãi và số tiền lãi H được hưởng theo quy định của Bộ luật Dân sự 958 ngày, tương ứng số tiền 15.747.945 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính 71.252.055 đồng.

Ngoài ra Lê Thị H còn có hành vi dùng dây điện gây thương tích cho anh Trần Quốc H do không trả được tiền vay, với tỷ lệ thương tật với 5%. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H khởi tố, điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên ngày 22/10/2021 anh Trần Quốc H có đơn đề nghị rút đơn khởi tố vụ án đối với hành vi cố ý gây thương tích. Ngày 29/10/2021 Tòa án nhân dân huyện H đã ra quyết định đình chỉ vụ án về tội cố ý gây thương tích đối với Lê Thị H.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo Lê Thị H đã thực hiện việc trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền lãi bị cáo đã thu lợi bất chính theo Bộ luật dân sự quy định là 374.100.000 đồng cụ thể: chị Phạm Thị H 18.000.000 đồng, anh Nguyễn Hồng S 79.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn T 3.700.000 đồng, anh Phan Thanh T 32.000.000 đồng, anh Trần Văn Q 6.000.000 đồng, anh Đoàn Quang T 17.000.000 đồng, chị Hoàng Thị H 23.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thúy V 68.000.000 đồng, anh Nguyễn Chí C 45.000.000 đồng, anh Trần Xuân D 1.400.000 đồng, anh Trần Quốc H 81.000.000 đồng và 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trả lại cho bị cáo số tiền vay gốc gồm anh Nguyễn Hồng S 50.000.000 đồng, chị Hoàng Thị H 20.000.000 đồng, anh Trần Xuân D 20.000.000 đồng.

Hành vi trên của Lê Thị H đã bị xét xử tại bản án số 46/2021/HS-ST ngày 26-11-2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, b

khoản 1 Điều 47; điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 2, khoản 3 Điều 35 Bộ luật hình sự; các điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- *Về hình phạt*: Xử phạt bị cáo Lê Thị H 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giam (từ ngày 15/8/2021 đến ngày 28/9/2021).

- *Về hình phạt bổ sung*: Xử phạt tiền là hình phạt bổ sung bị cáo Lê Thị H số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Thời hạn chấp hành hình phạt tiền tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra án còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/11/2021, bị cáo Lê Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu việc chấp hành pháp luật tố tụng hình sự của Hội đồng xét xử, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng và qua phần xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Lê Thị H không tranh luận; tại lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo, người tham gia tố tụng không khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Từ tháng 01/2018 đến tháng 8/2021 Lê Thị H cho chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Hồng S, anh Nguyễn Văn T, anh Phan Thanh T, anh Trần Văn Q, anh Đoàn Quang T, chị Hoàng Thị H, chị Nguyễn Thị Thúy V, anh Nguyễn Chí C, anh Trần Xuân D và anh Trần Quốc H vay tổng số tiền 308.000.000 đồng, lãi suất từ 109% đến 160%/năm. Số tiền lãi H đã thu 458.600.000 đồng, trong đó tiền lãi tối đa H được thu theo quy định là 83.193.973 đồng, số tiền H thu lợi bất chính là 375.406.027 đồng. Do đó, Lê Thị H đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự. Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 28/5/2001, Lê Thị H bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 06 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”; ngày 12/9/2007 bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đều đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên*” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, con đẻ của bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba, bị cáo cung cấp thông tin cho Hạt kiểm lâm huyện H phát hiện xử lý đối với đối tượng Cao Huy C, Nguyễn Văn S, Lương Xuân T có hành vi vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy có xác nhận của Hạt kiểm lâm huyện H, bị cáo hỗ trợ tiền, vật chất trong đợt dịch Covid19 xảy ra tại địa bàn xã Sơn Phú, huyện H (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh) được quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo thấy rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thực sự ăn năn hối cải, hoàn cảnh hiện tại là phụ nữ tuổi cũng đã cao, có bệnh nền đau ốm thường xuyên, chồng sinh năm 1956 bị bệnh tim. Do đó, cần chấp nhận nội dung kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt, tạo cơ hội cho bị cáo sớm trở về có điều kiện điều trị bệnh và chăm sóc gia đình là đủ nghiêm, phù hợp.

[5] Về án phí: Bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo Lê Thị H, sửa bản án Hình sự sơ thẩm số 46/2021/HS-ST ngày 26-11-2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh về phần hình phạt.

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 47; điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 2, khoản 3 Điều 35 Bộ luật hình sự,

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giam (từ ngày 15/8/2021 đến ngày 28/9/2021).

- *Về hình phạt bổ sung*: Xử phạt tiền là hình phạt bổ sung bị cáo Lê Thị H số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Thời hạn chấp hành hình phạt tiền tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND, VKS, CA, THA sơ thẩm;
- Sở tư pháp Hà Tĩnh;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Đào